

Bản án số: 56/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 28-7-2021
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN DƯƠNG, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đỗ Văn Dũng.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Vũ Văn Thi

Bà Nguyễn Thị Tươi

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hằng - Thư ký Tòa án nhân dân huyện An Dương, thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện An Dương, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Mai Dung - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 7 năm 2021 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện An Dương, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 122/2021/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 5 năm 2021 về tranh chấp ly hôn, nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 51/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 25 tháng 6 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 43/2021/QĐST-HNGĐ ngày 16 tháng 7 năm 2021 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị H sinh năm 1988; địa chỉ: Thôn D, xã T, huyện A, thành phố Hải Phòng; vắng mặt (có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt).

- *Bị đơn:* Anh Đồng Xuân T sinh năm 1984; địa chỉ: Thôn D, xã T, huyện A, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 27 tháng 4 năm 2021 và trong quá trình tố tụng, nguyên đơn Nguyễn Thị H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị H và anh T kết hôn với nhau do tự nguyện, được tổ chức lễ cưới theo phong tục, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đồng Gia, huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương năm 2010. Quá trình chung sống, vợ chồng hoà thuận, hạnh phúc đến năm 2016 thì mâu thuẫn do tính tình không hòa hợp. Nay tình cảm không còn, chị H yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn anh T.

Về con chung: Chị H và anh T có hai con là Đồng Minh P sinh ngày 06/01/2011 và Đồng Diệu A sinh ngày 01/9/2016. Khi ly hôn chị H nhận nuôi con Đồng Diệu A, để cho anh T nuôi con Đồng Minh P; không yêu cầu giải quyết về cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Chị H không yêu cầu giải quyết.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và về việc giải quyết vụ án như sau: Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã tuân thủ đầy đủ quy định của pháp luật Tố tụng dân sự; Nguyên đơn đã chấp hành đúng quy định của pháp luật, bị đơn chưa chấp hành đúng quy định của pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 227 và Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự (BLTTDS); các điều 51, 56, 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án xử cho ly hôn giữa chị Nguyễn Thị H và anh Đồng Xuân T; giao con Đồng Minh P cho anh T nuôi, giao con Đồng Diệu A cho chị H nuôi cho đến khi con đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật; nguyên đơn phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử thấy:

[1] Về thẩm quyền: Bị đơn cư trú tại huyện An Dương nên Tòa án nhân dân huyện An Dương thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39 của BLTTDS.

[2] Về tố tụng: Nguyên đơn đã được Tòa án triệu tập đến phiên tòa hợp lệ nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; bị đơn đã được Tòa án triệu tập đến phiên tòa hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Căn cứ Điều 238 của BLTTDS, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt họ.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Hôn nhân giữa chị H và anh T được Ủy ban nhân dân xã Đồng Gia, huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương cấp Giấy đăng ký kết hôn số 15 ngày 01/4/2010 nên hợp pháp. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống đến năm 2016 thì xảy ra mâu thuẫn do tính tình không hòa hợp, bất đồng quan điểm sống. Vậy xác định yêu cầu xin ly hôn của chị H đã thỏa mãn những căn cứ cho ly hôn quy định tại Điều 56 của Luật hôn nhân và Gia đình; cần giải quyết cho ly hôn giữa chị H và anh T.

[4] Về con chung: Các bên có con chung như chị H trình bày ở trên là đúng. Hiện nay chị H đang nuôi con Diệu A, anh T đang nuôi con Minh P. Nguyên vọng được trực tiếp nuôi con Diệu A và giao con Minh P cho anh T nuôi của chị H là bảo đảm được lợi ích toàn diện và phù hợp với nguyên vọng được ở với bố của cháu Phúc. Để không gây xáo trộn làm ảnh hưởng tới cuộc sống của các con nên giao con

Đồng Diệu A cho chị H nuôi; giao con Đồng Minh P cho anh T nuôi cho đến khi con đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật là phù hợp với quy định tại các điều 81 và 82 của Luật Hôn nhân và Gia đình.

[5] Về cấp dưỡng nuôi con chung: Các bên không yêu cầu nên không giải quyết.

[6] Về tài sản chung: Các bên không yêu cầu nên không giải quyết.

[7] Về án phí: Chị Nguyễn Thị H phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các điều 92, 147 và 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 56, các điều 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; tuyên xử:

Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Nguyễn Thị H và anh Đồng Xuân T.

Về nuôi con chung: Giao con Đồng Minh P sinh ngày 06/01/2011 cho anh Đồng Xuân T trực tiếp nuôi; giao con Đồng Diệu A sinh ngày 01/9/2016 cho chị Nguyễn Thị H trực tiếp nuôi cho đến khi con đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung: Chị Nguyễn Thị H và anh Đồng Xuân T không yêu cầu nên không giải quyết.

Về tài sản chung: Chị H và anh T không yêu cầu nên không giải quyết.

Về án phí: Chị Nguyễn Thị H phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Dương, thành phố Hải Phòng biên lai số 0013150 ngày 05/5/2021. Chị Nguyễn Thị H đã nộp đủ án phí.

Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Về quyền yêu cầu thi hành án, nghĩa vụ thi hành án: Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND thành phố Hải Phòng;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

- VKSND thành phố Hải Phòng;
- VKSND huyện An Dương;
- Chi cục THADS h. An Dương;
- UBND xã Đồng Gia, h. Kim Thành, Hải Dương
(Cơ quan cấp ĐKKH số 15 ngày 01/4/2010);
- Đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đỗ Văn Dũng